

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 98/2025/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chế độ chính sách đối với các trường trung học phổ thông chuyên, các trường trung học cơ sở trọng điểm và công tác tập huấn, bồi dưỡng học sinh giỏi trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông (THPT) chuyên;

Xét Tờ trình số 426/TTr-UBND ngày 04/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ chính sách đối với các trường THPT chuyên, các trường THCS trọng điểm và công tác tập huấn, bồi dưỡng học sinh giỏi trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chế độ chính sách đối với các trường THPT chuyên, các trường THCS trọng điểm và chế độ đối với cán bộ quản lý, chuyên gia, giáo viên, học sinh, học viên tham gia bồi dưỡng, tập huấn tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia THPT; kỳ thi chọn học sinh THPT vào các đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế; kỳ thi Olympic khu vực, quốc tế; cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông; hội thi khoa học kỹ thuật quốc tế (ISEF) trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh các Trường THPT Chuyên Bắc Ninh, THPT Chuyên Bắc Giang;

b) Cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh các trường THCS trọng điểm trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, học viên các trường THCS, THPT, trường phổ thông nhiều cấp học có cấp THPT, các trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX), trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX), trung tâm giáo dục thường xuyên - ngoại ngữ, tin học (GDTX-NN, TH), trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), các cơ sở giáo dục dạy chương trình GDTX cấp THPT, các trường trung học nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tham gia bồi dưỡng, tập huấn đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh; kỳ thi chọn học sinh THPT vào các đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế; kỳ thi Olympic khu vực, quốc tế; cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh THCS và THPT; hội thi khoa học kỹ thuật quốc tế (ISEF);

d) Giảng viên trong các trường đại học, chuyên gia trong các vụ, viện, giáo viên ngoài tỉnh Bắc Ninh (gọi chung là chuyên gia) được mời bồi dưỡng đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia THPT; kỳ thi chọn các đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế; kỳ thi Olympic khu vực, quốc tế; cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh THCS và THPT; hội thi khoa học kỹ thuật quốc tế (ISEF).

Điều 2. Nội dung và mức chi, hỗ trợ đối với Trường THPT Chuyên Bắc Ninh, THPT Chuyên Bắc Giang

1. Hỗ trợ học bổng và chi phí học tập đối với học sinh cuối học kỳ được đánh giá kết quả học tập và kết quả rèn luyện loại Tốt. Thời gian được hưởng 9 tháng/năm;

Kinh phí ngân sách cấp chỉ để hỗ trợ học bổng và chi phí học tập cho học sinh không được sử dụng sang nhiệm vụ khác. Giao cho nhà trường xây dựng tiêu chí về kết quả học tập và rèn luyện của học sinh, kết quả tham gia các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia, Olympic khu vực, quốc tế và các hoạt động khác từ đó đưa ra từng mức cụ thể, để xét hỗ trợ học bổng và chi phí học tập cho học sinh đảm bảo công khai, minh bạch và thông báo cho phụ huynh học sinh biết.

2. Hỗ trợ tiền ăn cho học sinh ở nội trú, bán trú.

3. Hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên các trường THPT chuyên giảng dạy các môn chuyên (theo hình thức khoán).

4. Mức chi, hỗ trợ được quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nội dung và mức chi, hỗ trợ đối với các trường THCS trọng điểm

1. Hỗ trợ học bổng và chi phí học tập đối với học sinh cuối học kỳ được đánh giá kết quả học tập và kết quả rèn luyện loại Tốt. Thời gian được hưởng 9 tháng/năm;

Kinh phí ngân sách cấp chi để hỗ trợ học bổng và chi phí học tập cho học sinh không được sử dụng sang nhiệm vụ khác. Giao cho nhà trường xây dựng tiêu chí về kết quả học tập và rèn luyện của học sinh, kết quả tham gia các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia và các hoạt động khác từ đó đưa ra từng mức cụ thể, để xét hỗ trợ học bổng và chi phí học tập cho học sinh đảm bảo công khai, minh bạch và thông báo cho phụ huynh học sinh biết.

2. Hỗ trợ học sinh thuộc một trong các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ mồ côi tham gia đội tuyển thi học sinh giỏi cấp tỉnh.

3. Hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên các trường THCS trọng điểm dạy các môn: Ngữ văn, Lịch sử và Địa lí, Ngoại ngữ, Toán, Khoa học tự nhiên, Tin học (theo hình thức khoán).

4. Mức chi, hỗ trợ được quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Nội dung và mức chi, hỗ trợ công tác tập huấn, bồi dưỡng học sinh giỏi, khen thưởng theo kết quả đạt được

1. Hỗ trợ học sinh tiền ăn và chi phí học tập trong những ngày tập huấn, bồi dưỡng, dự thi học sinh giỏi.

2. Hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý, chuyên gia tham gia công tác tập huấn, bồi dưỡng học sinh giỏi; cán bộ quản lý, giáo viên đưa học sinh dự thi.

3. Khen thưởng học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý theo kết quả đạt được.

4. Mức chi, hỗ trợ quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.

Điều 5. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, thực hiện Nghị quyết.

2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Chính sách áp dụng tại Điều 3 thực hiện đến hết năm học 2025-2026. Các chính sách còn lại áp dụng đến hết năm học 2029-2030.

3. Bãi bỏ toàn bộ các nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh quy định một số chế độ chính sách đối với trường THPT Chuyên Bắc Ninh, 08 trường THCS trọng điểm và chế độ đối với cán bộ quản lý, chuyên gia, giáo viên, học sinh tham gia bồi dưỡng, tập huấn tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh đối với THCS, cấp quốc gia, khu vực, quốc tế trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

b) Nghị quyết số 39/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang quy định một số chính sách hỗ trợ học sinh trường THPT Chuyên Bắc Giang, giáo viên, chuyên gia tập huấn và học sinh tham gia đội tuyển thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia, Olympic khu vực và quốc tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Ninh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND; UBND các xã, phường;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh (01 bản giấy, 01 bản điện tử);
- Lãnh đạo, chuyên viên VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Việt Oanh

Phụ lục I

**MỨC CHI, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI TRƯỜNG THPT CHUYÊN BẮC NINH,
THPT CHUYÊN BẮC GIANG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 98/2025/NQ-HĐND)



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	Mức học bổng và chi phí học tập trung bình hằng tháng cho mỗi học sinh cuối học kỳ được đánh giá kết quả học tập và kết quả rèn luyện loại Tốt	Học sinh /tháng	10 lần mức học phí hiện hành của học sinh THPT
2	Hỗ trợ tiền ăn cho học sinh ở nội trú	Học sinh /ngày	60.000
3	Hỗ trợ tiền ăn cho học sinh ở bán trú	Học sinh /ngày	30.000
4	Hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên giảng dạy các môn chuyên tham gia nghiên cứu tài liệu, xây dựng chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi cấp quốc gia THPT, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trong tỉnh	Giáo viên /năm học	30.000.000

Handwritten signature

Phụ lục II

MỨC CHI, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG THCS TRỌNG ĐIỂM
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 98/2025/NQ-HĐND)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	Mức học bổng và chi phí học tập trung bình hằng tháng cho mỗi học sinh cuối học kỳ được đánh giá kết quả học tập và kết quả rèn luyện loại Tốt	Học sinh /tháng	6 lần mức học phí hiện hành của học sinh THCS
2	Học sinh thuộc một trong các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ mồ côi tham gia đội tuyển thi học sinh giỏi cấp tỉnh	Học sinh /kỳ thi	2.340.000
3	Hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên trường THCS trọng điểm (100% lớp chất lượng cao) dạy các môn: Ngữ văn, Lịch sử và Địa lí, Ngoại ngữ, Toán, Khoa học tự nhiên, Tin học tham gia nghiên cứu tài liệu, xây dựng chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi cấp tỉnh THCS, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trong tỉnh	Giáo viên /năm học	20.000.000
4	Hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên trường THCS trọng điểm (có cả lớp chất lượng cao và lớp thường) dạy lớp chất lượng cao đối với các môn: Ngữ văn, Lịch sử và Địa lí, Ngoại ngữ, Toán, Khoa học tự nhiên, Tin học (dạy ít nhất 08 tiết/tuần tại các lớp chất lượng cao) tham gia nghiên cứu tài liệu, xây dựng chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi cấp tỉnh THCS, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trong tỉnh	Giáo viên /năm học	20.000.000
5	Hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên trường THCS trọng điểm (có cả lớp chất lượng cao và lớp thường) dạy lớp chất lượng cao đối với các môn: Ngữ văn, Lịch sử và Địa lí, Ngoại ngữ, Toán, Khoa học tự nhiên, Tin học (dạy từ 04 đến 07 tiết/tuần tại các lớp chất lượng cao) tham gia nghiên cứu tài liệu, xây dựng chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi cấp tỉnh THCS, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trong tỉnh	Giáo viên /năm học	10.000.000

Handwritten signature

Phụ lục III

**MỨC CHI, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN,
DỰ THI HỌC SINH GIỎI; HỖ TRỢ, KHEN THƯỞNG
THEO KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 98/2025/NQ-HĐND)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	Hỗ trợ học sinh tiền ăn và chi phí học tập trong những ngày tập huấn, bồi dưỡng, dự thi học sinh giỏi		
1.1	Hỗ trợ tiền ăn và chi phí học tập học sinh dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia THPT trong những ngày tập huấn	Học sinh /ngày	700.000
1.2	Hỗ trợ học sinh đã tham gia đội tuyển thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia THPT, tiếp tục tham gia đội tuyển thi học sinh giỏi quốc gia năm học tiếp theo	Học sinh /kỳ thi	10.530.000
1.3	Hỗ trợ tiền ăn và chi phí học tập học sinh tham dự tập huấn chọn vào đội tuyển dự thi Olympic khu vực, quốc tế trong những ngày tập huấn	Học sinh /ngày	936.000
1.4	Hỗ trợ tiền chi phí học tập học sinh dự thi khu vực, quốc tế trong những ngày tham gia tập huấn	Học sinh /ngày	2.340.000
1.5	Hỗ trợ học sinh thuộc một trong các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, mồ côi tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia THPT; tập huấn thi chọn các đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực, quốc tế	Học sinh /kỳ thi	7.020.000
1.6	Hỗ trợ tiền ăn, nghỉ, đi lại, chế độ công tác phí cho học sinh được cử tham gia thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực, quốc tế; dự thi Olympic khu vực, quốc tế	Học sinh /kỳ thi	Theo quy định chế độ công tác cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác theo quy định hiện hành



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
2	Hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý, chuyên gia tham gia công tác tập huấn, bồi dưỡng học sinh giỏi; cán bộ quản lý, giáo viên đưa học sinh dự thi		
2.1	Hỗ trợ dạy tiền đội tuyển thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia THPT khối 10 cho giáo viên thuộc tỉnh Bắc Ninh, tối đa 70 buổi/môn, mỗi buổi dạy 04 tiết	Giáo viên /buổi	1.400.000
2.2	Hỗ trợ dạy tiền đội tuyển thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia THPT khối 11 cho giáo viên thuộc tỉnh Bắc Ninh, tối đa 40 buổi/môn, mỗi buổi dạy 04 tiết	Giáo viên /buổi	1.400.000
2.3	Hỗ trợ dạy đội tuyển thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia THPT cho giáo viên thuộc tỉnh Bắc Ninh, tối đa 130 buổi/môn, mỗi buổi dạy 04 tiết	Giáo viên /buổi	2.800.000
2.4	Hỗ trợ dạy đội tuyển thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia THPT cho chuyên gia, tối đa 30 buổi/môn, mỗi buổi dạy 04 tiết	Chuyên gia /buổi	7.500.000
2.5	Hỗ trợ dạy học sinh tham gia thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực, quốc tế cho chuyên gia, tối đa 70 buổi/môn, mỗi buổi dạy 04 tiết	Chuyên gia /buổi	10.000.000
2.6	Hỗ trợ giáo viên thuộc tỉnh Bắc Ninh tham gia dạy hỗ trợ học sinh sau những buổi do chuyên gia dạy để tham gia thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực, quốc tế, tối đa 25 buổi/môn, mỗi buổi dạy 04 tiết	Giáo viên /buổi	1.170.000
2.7	Hỗ trợ giáo viên thuộc tỉnh Bắc Ninh tham gia dạy hỗ trợ học sinh đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực, quốc tế, tối đa 30 buổi/môn, mỗi buổi dạy 04 tiết	Giáo viên /buổi	2.340.000
2.8	Hỗ trợ tiền ăn, nghỉ, đi lại, chế độ công tác phí cho cán bộ quản lý, giáo viên được cử đưa học sinh tham gia thi chọn đội tuyển	Giáo viên /kỳ thi	Theo quy định chế độ công tác cho



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
	quốc gia dự thi Olympic khu vực, quốc tế; dự thi Olympic khu vực, quốc tế, số lượng tối đa 02 người/đội tuyển.		cán bộ, công chức nhà nước đi công tác theo quy định hiện hành
3	Khen thưởng học sinh theo kết quả đạt được		
3.1	Học sinh đoạt giải Nhất / Huy chương Vàng (kỳ thi quốc tế)	01 giải	500.000.000
3.2	Học sinh đoạt giải Nhì / Huy chương Bạc (kỳ thi quốc tế)	01 giải	300.000.000
3.3	Học sinh đoạt giải Ba / Huy chương Đồng (kỳ thi quốc tế)	01 giải	200.000.000
3.4	Học sinh đoạt giải Tư / Bằng khen (kỳ thi quốc tế)	01 giải	100.000.000
3.5	Học sinh là thành viên đội tuyển (kỳ thi quốc tế)	Học sinh	50.000.000
3.6	Học sinh đoạt Huy chương Vàng (kỳ thi khu vực)	01 giải	150.000.000
3.7	Học sinh đoạt Huy chương Bạc (kỳ thi khu vực)	01 giải	80.000.000
3.8	Học sinh đoạt Huy chương Đồng (kỳ thi khu vực)	01 giải	50.000.000
3.9	Học sinh đoạt Bằng khen (kỳ thi khu vực)	01 giải	30.000.000
3.10	Học sinh là thành viên đội tuyển (kỳ thi khu vực)	Học sinh	20.000.000
3.11	Học sinh đoạt giải Nhất (kỳ thi quốc gia)	01 giải	50.000.000
3.12	Học sinh đoạt giải Nhì (kỳ thi quốc gia)	01 giải	25.000.000
3.13	Học sinh đoạt giải Ba (kỳ thi quốc gia)	01 giải	15.000.000
3.14	Học sinh đoạt giải Khuyến khích (kỳ thi quốc gia)	01 giải	10.000.000
3.15	Học sinh đoạt giải Nhất (kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh)	01 giải	5.000.000



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
3.16	Học sinh đoạt giải Nhì (kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh)	01 giải	3.000.000
3.17	Học sinh đoạt giải Ba (kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh)	01 giải	2.000.000
3.18	Học sinh đoạt giải Khuyến khích (kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh)	01 giải	1.000.000
3.19	Đội/nhóm học sinh từ 02 (hai) thành viên trở lên đoạt giải trong các kỳ thi	01 giải	Bằng 2,0 lần đối với cá nhân
3.20	Học sinh là người dân tộc thiểu số hoặc là người khuyết tật đoạt giải trong các kỳ thi	01 giải	1,5 lần đối với cá nhân
3.21	Học sinh vừa là người dân tộc thiểu số vừa là người khuyết tật đoạt giải trong các kỳ thi	01 giải	2,0 lần đối với cá nhân
4	Khen thưởng cán bộ quản lý, giáo viên trực tiếp trên lớp chính khóa theo kết quả đạt được (số lượng tối đa 02 người/môn, mỗi người chỉ được hưởng một mức cao nhất)		
4.1	Cán bộ quản lý, giáo viên có 01 học sinh dạy trực tiếp trên lớp chính khóa đoạt Huy chương Vàng Olympic quốc tế	01 giải /người	80.000.000
4.2	Cán bộ quản lý, giáo viên có 01 học sinh dạy trực tiếp trên lớp chính khóa đoạt Huy chương Bạc Olympic quốc tế	01 giải /người	72.000.000
4.3	Cán bộ quản lý, giáo viên có 01 học sinh dạy trực tiếp trên lớp chính khóa đoạt Huy chương Đồng Olympic quốc tế	01 giải /người	64.000.000
4.4	Cán bộ quản lý, giáo viên có 01 học sinh dạy trực tiếp trên lớp chính khóa được tặng Bằng khen của Ban tổ chức Olympic quốc tế	01 giải /người	60.000.000
4.5	Cán bộ quản lý, giáo viên có 01 học sinh dạy trực tiếp trên lớp chính khóa đoạt Huy chương Vàng Olympic khu vực	01 giải /người	48.000.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
4.6	Cán bộ quản lý, giáo viên có 01 học sinh dạy trực tiếp trên lớp chính khóa đoạt Huy chương Bạc Olympic khu vực	01 giải /người	43.200.000
4.7	Cán bộ quản lý, giáo viên có 01 học sinh dạy trực tiếp trên lớp chính khóa đoạt Huy chương Đồng Olympic khu vực	01 giải /người	38.400.000
4.8	Cán bộ quản lý, giáo viên có 01 học sinh dạy trực tiếp trên lớp chính khóa được tặng Bằng khen của Ban tổ chức Olympic khu vực	01 giải /người	36.000.000
4.9	Trường hợp trong cùng một kỳ thi, trong một đội tuyển, cùng một mức giải cán bộ quản lý, giáo viên (đã được hưởng chế độ 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.6, 4.7, 4.8) có từ 02 (hai) học sinh đoạt giải trở lên thì từ học sinh thứ hai trở đi, giáo viên được thưởng thêm theo mức giải tương ứng	01 giải /người	Bằng 20% mức thưởng của giải tương ứng
4.10	Đối với đội tuyển thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia THPT (có số lượng thí sinh được đăng ký dự thi tối đa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) có số thí sinh đoạt giải đạt tỉ lệ 100%, giáo viên có học sinh (trực tiếp giảng dạy trên lớp) đoạt giải	Giáo viên /kỳ thi	24.000.000
4.11	Đối với đội tuyển thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia THPT (có số lượng thí sinh được đăng ký dự thi tối đa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) có số thí sinh đoạt giải đạt tỉ lệ từ 80% trở lên và có giải Nhất, giáo viên có học sinh (trực tiếp giảng dạy trên lớp) đoạt giải	Giáo viên /kỳ thi	21.600.000
5	Khen thưởng cán bộ quản lý, tập thể giáo viên theo kết quả đạt được		
5.1	Hiệu trưởng trường THPT chuyên có tỉ lệ học sinh dự thi đoạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia toàn tỉnh đạt từ 80% trở lên (tính	Hiệu trưởng /kỳ thi	Bằng giáo viên có mức ưu đãi cao nhất



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
	theo số lượng thí sinh được đăng ký dự thi tối đa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và trường có học sinh đoạt giải Nhất quốc gia theo mỗi trường		
5.2	Phó Hiệu trưởng trường THPT chuyên có tỉ lệ học sinh dự thi đoạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia toàn tỉnh đạt từ 80% trở lên (tính theo số lượng thí sinh được đăng ký dự thi tối đa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và trường có học sinh đoạt giải Nhất quốc gia theo mỗi trường	Phó Hiệu trưởng /kỳ thi	Bằng 60% mức ưu đãi của Hiệu trưởng
5.3	Tập thể giáo viên tham gia bồi dưỡng đội tuyển	Đội tuyển /kỳ thi	Bằng tổng mức hưởng của học sinh được khen thưởng theo số lượng và chất lượng giải của đội tuyển
5.4	Tập thể cán bộ quản lý	Trường /kỳ thi	Bằng 5% tổng mức hưởng của học sinh được khen thưởng theo số lượng và chất lượng giải của trường mình